

Bản án số: 87/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28/08/2018

V/v: Ly hôn giữa anh T
và chị T1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái
2. Ông Nguyễn Xuân Chung

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L không tham gia phiên tòa.

Ngày 28/08/2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 320/2018/TLST- HNGĐ ngày 16/07/2018 về “Ly hôn, con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXX- ST ngày 09/08/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1988 (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị T1 sinh năm 1988 (có mặt)

Đều địa chỉ: Thôn P, xã T2, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 11/07/2018, các bản tự khai anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn trình bày: Anh kết hôn với chị T1 ngày 31/03/2015. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 06/2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình dẫn đến nhiều lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không bảo được nhau, việc của ai người đó làm. Anh và chị T1 đã sống ly thân và cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 08/2017

cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không xây dựng được hạnh phúc với nhau, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T3 sinh ngày 03/01/2016, hiện đang ở với chị T1, cháu phát triển bình T. Nay ly hôn anh nhất trí để chị T1 trực tiếp nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng đến khi con trưởng thành.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn là chị Vũ Thị T1 trình bày: Chị kết hôn với anh T năm 2015 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với nhau ngay và hòa thuận đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh T đi nước ngoài, không quan tâm đến chị và có quan hệ bất chính với người khác dẫn đến vợ chồng không bảo được nhau, việc của ai người đó làm. Đến tháng 08/2016, chị về gia đình mẹ đẻ ở cho đến nay, vợ chồng cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh T xin ly hôn, chị không nhất trí và yêu cầu được đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T3 sinh ngày 03/01/2016, hiện đang ở với chị, cháu phát triển bình T. Nếu Tòa án giải quyết cho chị và anh T ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ đến khi con trưởng thành.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã tiến hành giao quyết định xét xử vụ án cho anh T, chị T1. Tại phiên tòa, anh T, chị T1 đều có mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:* Anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị T1 kết hôn ngày 31/03/2015. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Mặc dù có 1 con chung nhưng tình cảm giữa anh T và chị T1 vẫn không xây dựng hạnh phúc được với nhau. Từ tháng 06/2016, giữa anh T và chị T1 luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến hai bên không quan tâm đến nhau, việc của ai người đó làm, sống lạnh nhạt không có hạnh phúc. Nay anh T xin được ly hôn chị T1, chị T1 không nhất trí, chị T1 đề nghị vợ chồng được về đoàn tụ. Nhưng xét thấy anh T và chị T1 chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 08/2017. Hiện chị T1 đã

về gia đình mẹ đẻ ở. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa anh T và chị T1 không còn nên cần giải quyết cho anh T được ly hôn chị T1. Xét như vậy là phù hợp với Điều 51; 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ nuôi con chung*: Vợ chồng có 1 con chung Nguyễn Ngọc Bảo T3 sinh ngày 03/01/2016, hiện đang ở với chị T1, cháu phát triển bình thường. Nay ly hôn, anh T, chị T1 đều nhất trí để chị T1 trực tiếp nuôi, xét như vậy là phù hợp nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T1 yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng đến khi con trưởng thành. Phía anh T không chấp nhận theo yêu cầu của chị T1 và chỉ chấp nhận cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. HĐXX nhận thấy: Hiện tại anh T chưa có công ăn việc làm nên chưa có nguồn thu nhập ổn định. Do vậy không thể chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị T1 mà chỉ chấp nhận một phần buộc anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị T1 số tiền 1.000.000đ/tháng kể từ ngày 01/10/2018 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, chị T1 không được cản trở anh T thực hiện quyền này. Xét như vậy là phù hợp với Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác*: Anh T, chị T1 đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 21; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 228; Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 55 và Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị T1.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo T3 sinh ngày 03/01/2016 cho chị Vũ Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với chị T1 số tiền là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng) kể từ 01/10/2018 đến khi cháu T3 thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, chị T1 không được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu số AA/2017/0003328 ngày 16/07/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện L. Anh T còn phải nộp 300.000đ tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh ;
- VKSND huyện L;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện;
- UBND xã T2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ . VP./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toan

